DANH SÁCH

Cán bộ, công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên và tương đương lên ngạch chuyên viên chính và tương đương trong các cơ quan hành chính tỉnh Hưng Yên năm 2024

(Sở Nội vụ)

(Kèm theo Thông báo số 35/TB-HĐTNN ngày 09/01/2025 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả thi môn Kiến thức chung		Kết quả thi môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Kết quả
							Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1	HC002	Nguyễn Thị	Anh	29/3/1987	Chuyên viên Phòng Tổ chức, biên chế	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	16/11/2022		Tiếng Anh	39	Đạt	25	Đạt	56	Trúng tuyển
2	HC003	Trần Thị Hồng	Anh	22/3/1988	Chuyên viên Phòng Cải cách hành chính - Văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2022		Tiếng Anh	38	Đạt	17	Đạt	59,5	Trúng tuyển
3	HC017	Trần Anh	Dũng	14/11/1979	Phó Trưởng phòng Cải cách hành chính - Văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	38	Đạt	26	Đạt	50,5	Trúng tuyển
4	HC024	Nguyễn Thị	Dương	05/02/1991	Chuyên viên Phòng Công chức, Viên chức	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/02/2023	ĐH		43	Đạt	Miễn thi		60	Trúng tuyển
5	HC025	Phan Thị	Diễm	13/5/1991	Chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/3/2024		Tiếng Anh	35	Đạt	23	Đạt	50,5	Trúng tuyển
6	HC055	Vũ Quốc	Khánh	02/9/1988	Chánh Văn phòng	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2021		Tiếng Anh	38	Đạt	18	Đạt	54	Trúng tuyển
7	HC063	Nguyễn Thị	Luyến	07/3/1988	Chuyên viên Phòng Tổ chức, biên chế	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/12/2022		Tiếng Anh	35	Đạt	17	Đạt	60	Trúng tuyển
8	HC065	Chu Bình	Mích	14/12/1989	Chuyên viên Văn phòng Sở	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2021		Tiếng Anh	39	Đạt	21	Đạt	64	Trúng tuyển
9	HC068	Nguyễn Thị	Nga	10/02/1987	Chuyên viên Phòng Công chức, Viên chức	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,66	01/11/2022		Tiếng Anh	35	Đạt	25	Đạt	64	Trúng tuyển
10	HC069	Mai Quỳnh	Nga	11/8/1990	Chuyên viên Phòng Tổ chức, biên chế	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/12/2022	ĐH		37	Đạt	Miễn thi		59	Trúng tuyển
11	HC077	Quách Thị Lan	Phương	19/01/1984	Phó Trưởng ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	15/4/2023		Tiếng Anh	41	Đạt	19	Đạt	50,5	Trúng tuyển
12	HC078	Trần Thị Lan	Phương	26/6/1988	Chuyên viên Ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	16/6/2024		Tiếng Anh	43	Đạt	26	Đạt	53	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả thi môn Kiến thức chung		Kết quả thi môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Kết quả
							Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
13	HC085	Vũ Thị	Tân	05/12/1984	Chuyên viên Phòng Tín ngưỡng - Tôn giáo	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	35	Đạt	19	Đạt	51	Trúng tuyển
14	HC097	Đào Thị Thu	Trang	19/11/1982	Phó Trưởng phòng Tổ chức, biên chế	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/9/2023		Tiếng Anh	44	Đạt	18	Đạt	56	Trúng tuyển
15	HC098	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/12/1986	Chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/8/2022		Tiếng Anh	51	Đạt	28	Đạt	58	Trúng tuyển